

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH LONG – ĐÔNG PHƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THANH LONG – ĐÔNG PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH LONG – DONG PHUONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108073250

3. Ngày thành lập: 27/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, ngõ 433, đường Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
3.	Quảng cáo	7310
4.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
5.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
6.	Khai thác và thu gom than non	0520
7.	Khai thác quặng sắt	0710
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

10.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
11.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
12.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; - Dạy hội hoạ; - Dạy nhảy; - Dạy kịch; - Dạy Mỹ thuật; - Dạy nghệ thuật biểu diễn; - Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).	8552
13.	Trồng cây cao su	0125
14.	Trồng cây cà phê	0126
15.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
16.	Khai thác gỗ	0221
17.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
18.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
19.	Khai thác thuỷ sản biển	0311
20.	Sản xuất giống thuỷ sản	0323
21.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
22.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
23.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
24.	Sản xuất đường	1072
25.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30.	Đại lý du lịch	7911
31.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
32.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
33.	Dịch vụ đóng gói	8292

34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
35.	Trồng cây hàng năm khác	0119
36.	Trồng cây ăn quả	0121
37.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
38.	Trồng cây hồ tiêu	0124
39.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
40.	Trồng cây lâu năm khác	0129
41.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
42.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
43.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
44.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
45.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
46.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
47.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
48.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
49.	Trồng cây lấy sợi	0116
50.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
51.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
52.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
53.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	1079
54.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
55.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
56.	Xây dựng công trình công ích	4220
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
59.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	5021
63.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590

64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
65.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
66.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
67.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
68.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
69.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
70.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
71.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, .v.v.); - Dạy thể thao, cắm trại; - Hướng dẫn cổ vũ; - Dạy thể dục; - Dạy cưỡi ngựa; - Dạy bơi; - Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp; - Dạy võ thuật; - Dạy chơi bài; - Dạy yoga.	8551
72.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
73.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
74.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
75.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
76.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
77.	Bán buôn tổng hợp	4690
78.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
79.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
80.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
81.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
82.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
83.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
84.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
85.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3822
86.	Tái chế phế liệu	3830
87.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
88.	Bán buôn đồ uống	4633

89.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
90.	Bốc xếp hàng hóa	5224
91.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
92.	Sản xuất nhạc cụ	3220
93.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
94.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
95.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
96.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;	7110
97.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất công trình	7410
98.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
99.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
100.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
101.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
102.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
103.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
104.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
105.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
106.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
107.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
108.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
109.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
110.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

111.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
112.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
113.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
114.	Cho thuê xe có động cơ	7710
115.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
116.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
117.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
118.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
119.	Đúc sắt, thép	2431
120.	Đúc kim loại màu	2432
121.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
122.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
123.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
124.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
125.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
126.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
127.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác	4632
128.	Bán buôn gạo	4631
129.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
130.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
131.	Trồng cây chè	0127

132.	Chăn nuôi gia cầm	0146
133.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
134.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
135.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
136.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
137.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
138.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3812
139.	Trồng lúa	0111
140.	Trồng cây mía	0114
141.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
142.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
143.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
144.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
145.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
146.	Xây dựng nhà các loại	4100
147.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
148.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
149.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
150.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
151.	Điều hành tua du lịch	7912
152.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
153.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
154.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
155.	Xuất bản phần mềm	5820
156.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
157.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
158.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
159.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
160.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
161.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
162.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
163.	Trồng cây điều	0123
164.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
165.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230

166.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
167.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
168.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
169.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
170.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
171.	Lập trình máy vi tính	6201
172.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
173.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
174.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
175.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
176.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
177.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
178.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
179.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
180.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
181.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
182.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
183.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
184.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
185.	Chăn nuôi lợn	0145
186.	Chăn nuôi khác	0149
187.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
188.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
189.	Sản xuất rượu vang	1102
190.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

191.	Phá dỡ	4311
192.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
193.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
194.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
195.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
196.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
197.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
198.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
199.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
200.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560
201.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
202.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
203.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
204.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

205.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
206.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
207.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
208.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
209.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
210.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
211.	In ấn	1811
212.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
213.	Sao chép bản ghi các loại	1820

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	12/1 ngõ 3, đường Giải Phóng, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	162692331	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
2	TRẦN VĂN MINH	Số 47, phố Dịch Vọng, Tổ 59, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.600.000	16.000.000.000	80,000	001067008695	
			Tổng số	1.600.000	16.000.000.000	80,000		
3	NGÔ VĂN TUẤN	Xóm Khu Chợ, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	011990074	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
4	BÙI HỮU TUẤN	Thôn Thanh Nam, Xã Hải Thanh, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	173020233	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

5	PHÙNG DANH CƯỜNG	Thôn Nam Cầu, Xã Phạm Trán, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	0300790042 92	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN VĂN MINH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *30/01/1967*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001067008695*

Ngày cấp: *11/04/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 47, phố Dịch Vọng, Tổ 59, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 47, phố Dịch Vọng, Tổ 59, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội